Trường: .....

Lớp: .....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 MÔN TOÁN LỚP 4 – ĐỀ SỐ 2

Môn: Toán · Lớp 4 · Cuối học kỳ II

Thời gian làm bài: 40 phút · Thang điểm: 10 · 17 câu

Họ và tên học sinh:	Số báo danh: .....

Điểm	Lời nhận xét của giáo viên

I. TRẮC NGHIỆM *(3 ĐIỂM)*

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (mỗi câu 0,5 điểm).

Câu 1. *(0,5 điểm)* Phân số nào sau đây lớn hơn 1?

A. $\frac{9}{10}$ **B.** $\frac{10}{10}$ **C.** $\frac{11}{10}$ **D.** $\frac{7}{12}$

Câu 2. *(0,5 điểm)* Phân số nào bằng phân số $\frac{15}{35}$?

A. $\frac{5}{7}$ **B.** $\frac{3}{5}$ **C.** $\frac{15}{7}$ **D.** $\frac{3}{7}$

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong các hình sau, hình nào là hình bình hành?

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức $\frac{9}{10} - \frac{2}{5} + \frac{1}{2}$ là:

A. 1 **B.** $\frac{1}{2}$ **C.** $\frac{6}{5}$ **D.** 0

Câu 5. *(0,5 điểm)* Bảng sau cho biết số quyển sách thư viện cho mượn trong 5 ngày. Trung bình mỗi ngày thư viện cho mượn bao nhiêu quyển sách?

A. 15 quyển **B.** 16 quyển **C.** 17 quyển **D.** 80 quyển

Câu 6. *(0,5 điểm)* Lớp 4A có 36 học sinh, trong đó $\frac{5}{9}$ số học sinh là nữ. Số học sinh nam của lớp 4A là:

A. 20 học sinh **B.** 32 học sinh **C.** 9 học sinh **D.** 16 học sinh

II. TỰ LUẬN *(7 ĐIỂM)*

Trình bày lời giải các bài toán.

Câu 1 *(1 điểm)*

Đặt tính rồi tính:

a) 3 459 × 62 *(0,25 đ)* **b)** 7 208 × 45 *(0,25 đ)* **c)** 38 304 : 36 *(0,25 đ)* **d)** 41 580 : 55 *(0,25 đ)*

Câu 2 *(1,5 điểm)*

Tính:

a) *(0,5 điểm)* $\frac{7}{9} - \frac{1}{3}$

b) *(0,5 điểm)* $\frac{3}{8} \times \frac{4}{15}$

c) *(0,5 điểm)* $\frac{5}{7} : \frac{10}{21}$

Câu 3 *(1 điểm)*

Tính bằng cách thuận tiện:

a) *(0,5 điểm)* $\frac{3}{7} \times \frac{5}{9} + \frac{4}{7} \times \frac{5}{9}$

b) *(0,5 điểm)* $\frac{5}{8} \times \frac{7}{12} \times \frac{8}{5} \times \frac{12}{7}$

truongkienthuc.vn

Câu 4. *(2 điểm)* Hà đọc một quyển truyện trong ba ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc được $\frac{2}{5}$ số trang, ngày thứ hai đọc được $\frac{1}{3}$ số trang, ngày thứ ba bạn đọc nốt 28 trang còn lại. Hỏi quyển truyện đó có bao nhiêu trang?

Câu 5. *(1,5 điểm)* Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 16 m. Người ta trồng hoa trên $\frac{3}{5}$ diện tích mảnh đất đó. Tính diện tích phần đất trồng hoa.

— Hết —

truongkienthuc.vn

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

Đề kiểm tra cuối học kỳ 2 môn Toán lớp 4 – Đề số 2

Môn: Toán · Lớp 4 · Cuối học kỳ II · Thang điểm: 10

I. TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	C	A	B	D

Câu 1. Phân số nào sau đây lớn hơn 1?

A. $\frac{9}{10}$ **B.** $\frac{10}{10}$ **C.** $\frac{11}{10}$ **D.** $\frac{7}{12}$

Phương pháp

- Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1; tử số bằng mẫu số thì bằng 1; tử số bé hơn mẫu số thì bé hơn 1.

Lời giải

9/10 có 9 < 10 nên bé hơn 1.

10/10 có 10 = 10 nên bằng 1.

11/10 có 11 > 10 nên lớn hơn 1.

7/12 có 7 < 12 nên bé hơn 1.

Vậy phân số lớn hơn 1 là 11/10.

A (9/10) sai vì 9/10 có tử số bé hơn mẫu số nên bé hơn 1.

B (10/10) sai vì 10/10 có tử số bằng mẫu số nên bằng 1, không lớn hơn 1.

D (7/12) sai vì 7/12 có tử số bé hơn mẫu số nên bé hơn 1.

Chọn C

Câu 2. Phân số nào bằng phân số 15/35?

A. $\frac{5}{7}$ **B.** $\frac{3}{5}$ **C.** $\frac{15}{7}$ **D.** $\frac{3}{7}$

Phương pháp

- Chia (hoặc nhân) cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Lời giải

15 và 35 cùng chia hết cho 5.

15/35 = (15 : 5)/(35 : 5)

= 3/7

Vậy phân số bằng 15/35 là 3/7.

A (5/7) sai vì 5/7 = 25/35, khác 15/35.

B (3/5) sai vì 3/5 = 21/35, khác 15/35.

C (15/7) sai vì chỉ chia mẫu số cho 5 mà giữ nguyên tử số

Phải chia cả tử số và mẫu số cho 5.

Chọn D

Câu 3. Trong các hình sau, hình nào là hình bình hành?

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Phương pháp

- Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải

Hình C có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau (các cạnh đối được đánh dấu giống nhau) nên là hình bình hành.

Các hình A, B, D không có hai cặp cạnh đối song song.

A (Hình A) sai vì hình A không có hai cặp cạnh đối song song.

B (Hình B) sai vì hình B là tứ giác bất kì, không có cặp cạnh đối nào song song.

D (Hình D) sai vì hình D không có hai cặp cạnh đối song song.

Chọn C

Câu 4. Giá trị của biểu thức 9/10 − 2/5 + 1/2 là:

A. 1 **B.** $\frac{1}{2}$ **C.** $\frac{6}{5}$ **D.** 0

Phương pháp

- Quy đồng mẫu số các phân số, rồi thực hiện phép tính từ trái sang phải.

Lời giải

$$9/10 - 2/5 + 1/2 = 9/10 - 4/10 + 5/10$$

$= 5/10 + 5/10$

$= 10/10$

$= 1$

B (1/2) sai vì 5/10 = 1/2 mới là kết quả của 9/10 − 2/5, chưa cộng thêm 1/2.

C (6/5) sai vì đã đổi nhầm 2/5 = 2/10 (đúng là 4/10)

Khi đó 9/10 − 2/10 + 5/10 = 12/10 = 6/5.

D (0) sai vì đã trừ nhầm cả 1/2:

$$9/10 - 4/10 - 5/10 = 0$$

Trong biểu thức, 1/2 được cộng.

Chọn A

Câu 5. Bảng sau cho biết số quyển sách thư viện cho mượn trong 5 ngày. Trung bình mỗi ngày thư viện cho mượn bao nhiêu quyển sách?

A. 15 quyển **B.** 16 quyển **C.** 17 quyển **D.** 80 quyển

Phương pháp

- Trung bình cộng = tổng số quyển sách cho mượn trong 5 ngày : 5.

Lời giải

Tổng số quyển sách cho mượn trong 5 ngày là:

12 + 15 + 18 + 15 + 20 = 80 (quyển)

Trung bình mỗi ngày cho mượn:

80 : 5 = 16 (quyển)

A (15 quyển) sai vì 15 chỉ là số quyển của một vài ngày (thứ ba, thứ năm), không phải trung bình cộng.

C (17 quyển) sai vì 17 × 5 = 85, khác tổng số quyển là 80.

D (80 quyển) sai vì 80 là tổng số quyển trong 5 ngày, chưa chia cho 5.

Chọn B

Câu 6. Lớp 4A có 36 học sinh, trong đó 5/9 số học sinh là nữ. Số học sinh nam của lớp 4A là:

A. 20 học sinh **B.** 32 học sinh **C.** 9 học sinh **D.** 16 học sinh

Phương pháp

- Tìm số học sinh nữ: lấy 36 nhân với 5/9; số học sinh nam = tổng số học sinh − số học sinh nữ.

Lời giải

Số học sinh nữ là:

36 × 5/9 = 20 (học sinh)

Số học sinh nam là:

36 − 20 = 16 (học sinh)

A (20 học sinh) sai vì 20 học sinh là số học sinh nữ, không phải số học sinh nam.

B (32 học sinh) sai vì 32 = 36 × 8/9, không ứng với phân số nào của đề bài.

C (9 học sinh) sai vì 9 = 36 : 4 không liên quan đến 5/9 số học sinh của lớp.

Chọn D

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

truongkienthuc.vn

Câu 1 (1 điểm)

Đặt tính rồi tính:

a) 3 459 × 62

Đáp án / Kết quả:

3 459 × 62 = 214 458

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Nhân lần lượt từng chữ số của số nhân với số bị nhân từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước; với số nhân có hai chữ số thì viết tích riêng thứ hai lùi sang trái một cột rồi cộng các tích riêng.

Lời giải

3 459 × 62 = 214 458 (thử lại: 214 458 : 62 = 3 459)

---

b) 7 208 × 45

Đáp án / Kết quả:

7 208 × 45 = 324 360

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Nhân lần lượt từng chữ số của số nhân với số bị nhân từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước; với số nhân có hai chữ số thì viết tích riêng thứ hai lùi sang trái một cột rồi cộng các tích riêng.

Lời giải

7 208 × 45 = 324 360 (thử lại: 324 360 : 45 = 7 208)

---

c) 38 304 : 36

Đáp án / Kết quả:

38 304 : 36 = 1 064

Phương pháp

- Chia lần lượt từ trái sang phải: chia, nhân, trừ rồi hạ chữ số tiếp theo.
- Thử lại bằng phép nhân: thương nhân số chia phải bằng số bị chia.

Lời giải

38 304 : 36 = 1 064 (thử lại: 1 064 × 36 = 38 304)

---

d) 41 580 : 55

Đáp án / Kết quả:

41 580 : 55 = 756

Phương pháp

- Chia lần lượt từ trái sang phải: chia, nhân, trừ rồi hạ chữ số tiếp theo.
- Thử lại bằng phép nhân: thương nhân số chia phải bằng số bị chia.

Lời giải

41 580 : 55 = 756 (thử lại: 756 × 55 = 41 580)

Câu 2 (1,5 điểm)

Tính:

a) $7/9 - 1/3$

Phương pháp

- Quy đồng mẫu số rồi trừ hai phân số.

Lời giải

$$7/9 - 1/3 = 7/9 - 3/9$$
$$= 4/9$$

---

b) $3/8 \times 4/15$

Phương pháp

- Nhân tử số với tử số, mẫu số với mẫu số rồi rút gọn.

Lời giải

$$3/8 \times 4/15 = 12/120$$
$$= 1/10$$

---

c) $5/7 : 10/21$

Phương pháp

- Lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược rồi rút gọn.

Lời giải

$$5/7 : 10/21 = 5/7 \times 21/10$$
$$= 105/70$$
$$= 3/2$$

Câu 3 (1 điểm)

Tính bằng cách thuận tiện:

a) $3/7 \times 5/9 + 4/7 \times 5/9$

Phương pháp

- Dùng tính chất một tổng nhân với một số: $a \times c + b \times c = (a + b) \times c$.

Lời giải

$$3/7 \times 5/9 + 4/7 \times 5/9 = (3/7 + 4/7) \times 5/9$$
$$= 1 \times 5/9$$
$$= 5/9$$

---

b) 5/8 × 7/12 × 8/5 × 12/7

Phương pháp

- Dùng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân: nhóm các phân số có tích bằng 1.

Lời giải

$$5/8 \times 7/12 \times 8/5 \times 12/7 = (5/8 \times 8/5) \times (7/12 \times 12/7)$$

$= 1 \times 1$

$= 1$

Câu 4. Hà đọc một quyển truyện trong ba ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc được 2/5 số trang, ngày thứ hai đọc được 1/3 số trang, ngày thứ ba bạn đọc nốt 28 trang còn lại. Hỏi quyển truyện đó có bao nhiêu trang?

Phương pháp

- Tìm phân số chỉ số trang đọc trong hai ngày đầu, suy ra phân số chỉ 28 trang còn lại; rồi tìm số trang ứng với 1 phần và cả quyển truyện.

Lời giải

Phân số chỉ số trang đọc trong hai ngày đầu là:

$2/5 + 1/3 = 11/15$ (quyển truyện)

28 trang ứng với phân số chỉ số trang là:

$1 - 11/15 = 4/15$ (quyển truyện)

Mỗi 1/15 quyển truyện có số trang là:

$28 : 4 = 7$ (trang)

Quyển truyện có số trang là:

$7 \times 15 = 105$ (trang)

Đáp số: 105 trang

Câu 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 16 m. Người ta trồng hoa trên 3/5 diện tích mảnh đất đó. Tính diện tích phần đất trồng hoa.

Phương pháp

- Tính diện tích mảnh đất: chiều dài × chiều rộng.
- Diện tích phần trồng hoa = diện tích mảnh đất × 3/5.

Lời giải

Diện tích mảnh đất là:

$25 \times 16 = 400$ (m^2)

Diện tích phần đất trồng hoa là:

$400 \times 3/5 = 240$ (m^2)

Đáp số: 240 m^2

Tổng điểm toàn đề: 10 điểm